TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN K	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH H	
Số: 45/2023/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 04 tháng 4 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN

THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Hôn nhân và gia đình", giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Tạ Xuân K1, sinh năm 1986.
Trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

2. Bị đơn: Chị Tạ Phương T, sinh năm 1997.
Quê quán: Thị trấn M, huyện M, tỉnh H; HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Tạ Xuân L1, sinh ngày 10/5/2021. Người giám hộ cho cháu L1 là anh Tạ Xuân K1 và chị Tạ Phương T (bố mẹ đẻ của cháu); HKTT: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27/3/2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Tạ Xuân K1 và chị Tạ Phương T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh K1 và chị T có 01 con chung, cháu tên là Tạ Xuân L1, sinh ngày 10/5/2021 và hiện cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn anh K1 và chị T thống nhất: Giao cháu Tạ Xuân L1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 27/3/2023 cho đến khi cháu L1 trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên thống nhất anh K1 đóng góp cấp dưỡng hàng tháng nuôi cháu L1 cho chị T là 2.000.000đ/01 tháng (Hai triệu đồng trên một tháng) kể từ ngày 01/5/2023 (dương lịch) cho đến khi cháu L1 trưởng thành đủ 18 tuổi.

Khi án có hiệu lực, chị T có yêu cầu thi hành án nếu anh K1 chậm trả tiền thì anh K1 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn anh K1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp và công sức đóng góp xây dựng của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh K1 và chị T không yêu cầu Toà án đặt ra xem xét giải quyết nên Toà án không đặt ra giải quyết.

2.3. Về án phí:

- *Án phí ly hôn sơ thẩm:* Anh K1 và chị T thống nhất để anh K1 nộp cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh K1 đã nộp theo biên lai thu số: 0008122 ngày 08/02/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K.

- *Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh K1 phải chịu 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị K1 cáo, K1 nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện K;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh H;
- UBND xã Đ;
- CCTHADS huyện KC; Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Bùi Văn T1